

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM QUA CÁC BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN*

1. Trước khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, trong những năm đầu của thời kì đổi mới, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chưa được pháp điển hoá. Việc tiến hành tố tụng trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự đều được tiến hành trên cơ sở những quy định của các văn bản pháp luật đơn hành. Những văn bản này chỉ quy định hoạt động trong từng lĩnh vực tố tụng như Luật số 103 ngày 20/5/1957 quy định về việc bảo đảm quyền tự do dân chủ và quyền bất khả xâm phạm về nhà ở, đồ vật, thư tín của công dân; Thông tư số 01/TT-LB ngày 16/2/1984 của Toà án nhân dân tối cao và Bộ nội vụ (nay là Bộ công an) hướng dẫn về việc đình chỉ và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù... Địa vị pháp lí của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng hình sự không được xác định một cách rõ ràng, không có sự phân biệt giữa bị can và bị cáo, mặc dù địa vị pháp lí của họ trong từng giai đoạn tố tụng là khác nhau. Khái niệm người thực hiện hành vi phạm tội và người có hành vi vi phạm pháp luật khác cũng chưa được phân biệt một cách rõ ràng. Điều này thể hiện ngay cả trong những quy định của pháp luật như Luật số 103 quy định về việc “bắt người phạm pháp quả tang”. Điều này dẫn đến tình trạng bắt cả những người chỉ có

hành vi vi phạm hành chính hay vi phạm pháp luật dân sự, vì họ cho rằng mọi hành vi phạm pháp đều có thể bị bắt. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng chỉ dừng lại ở việc quy định trong Luật tố chức viện kiểm sát nhân dân, Luật tố chức toà án nhân dân... Mặc dù vậy, những văn bản trên cũng đã góp phần vào việc khắc phục một số những thiếu sót trong việc giải quyết vụ án hình sự.

2. Kế thừa và phát triển những thành tựu về lập pháp tố tụng hình sự nước ta trong những văn bản tố tụng đơn lẻ, với tinh thần đổi mới trên mọi mặt của đời sống xã hội, ngày 28/6/1988 tại kì họp Quốc hội thứ ba, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII đã thông qua BLTTHS. Bộ luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1989. Đây là BLTTHS đầu tiên của nước ta, trong đó quy định trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. So với các văn bản pháp luật tố tụng hình sự trước đây, Bộ luật đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng; đề cao vai trò của các tổ chức

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

xã hội và công dân trong việc tham gia tố tụng nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Với việc pháp điển hoá, BLTTHS là nguồn quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự, là căn cứ, cơ sở để các cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án tiến hành giải quyết vụ án hình sự một cách thống nhất. Việc pháp điển hoá pháp luật tố tụng hình sự là sự khởi đầu thể hiện bước tiến trong kỹ thuật lập pháp của nước ta. BLTTHS năm 1988 bao gồm bảy phần, 32 chương, 286 điều với các đặc điểm cơ bản sau:

- *Thứ nhất*, BLTTHS được xây dựng trên cơ sở kế thừa pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ trước đến nay cũng như những giá trị tốt đẹp của pháp luật tố tụng hình sự truyền thống, quán triệt và thể chế hoá đường lối đổi mới Nhà nước ta.

- *Thứ hai*, BLTTHS được xây dựng trên cơ sở tham khảo những kinh nghiệm pháp luật tố tụng hình sự của các nước trên thế giới, nhất là pháp luật tố tụng hình sự của một số nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là luật tố tụng hình sự của Liên xô (cũ);

- *Thứ ba*, BLTTHS được xây dựng ngay trong những năm đầu của công cuộc đổi mới nên những quy định trong Bộ luật chưa bao quát và dự báo hết mọi vấn đề có thể phát sinh. Do vậy, trong quá trình thi hành đã bộc lộ những hạn chế và bất cập nhất định.

Sau hơn một năm thi hành, để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Bộ luật đã được

sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất vào 30/6/1990. Trong đó bổ sung thêm ba điều mới là Điều 42a quy định về người bảo vệ quyền lợi của đương sự; Điều 168a quy định về thời hạn hoãn phiên toà và Điều 215a quy định về việc toà án cấp phúc thẩm áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn và sửa đổi, bổ sung 35 điều khác.

Mặc dù được sửa đổi, bổ sung chưa đầy 3 năm nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng vẫn phát sinh một số những vướng mắc nhất định đòi hỏi phải được khắc phục. Do vậy, ngày 22/12/1992, tại kì họp thứ hai, Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS. Trong đó có bổ sung ba điều mới là: Điều 143a quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Điều 143b quy định về việc đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án và Điều 160a quy định về thành phần của hội đồng xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm. Ngoài ra, Bộ luật còn sửa đổi, bổ sung 5 điều khác.

Do BLTTHS 1988 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS được ban hành trước khi thông qua Bộ luật hình sự năm 1999 nên với sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 một số quy định của BLTTHS liên quan không còn phù hợp. Ngày 9/6/2000 Quốc hội một lần nữa lại thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS nhằm thực hiện ngay một số vấn đề cấp thiết của chính sách hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như một số nội dung có liên quan đến việc phân loại tội phạm và một số

vấn đề khác với tinh thần: Chỉ sửa đổi, bổ sung những quy định của BLTTHS hiện hành không đồng bộ với Bộ luật hình sự năm 1999. Những vấn đề khác của BLTTHS cần được tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung trong lần sửa đổi toàn diện:... trước hết tập trung vào việc sửa đổi một số quy định nhằm làm rõ hơn trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và giải quyết một bước những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật; không hạn chế quyền của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đồng thời bảo đảm hoạt động có hiệu quả của các cơ quan bảo vệ pháp luật trước yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.⁽¹⁾ Theo đó, BLTTHS năm 1988 đã được bổ sung thêm hai điều mới là: Điều 10a quy định về trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và Điều 234a quy định về việc thi hành hình phạt trực xuất. Cùng với việc bổ sung thêm hai điều mới thì 21 điều luật khác cũng được sửa đổi, bổ sung mà chủ yếu là sửa đổi số điều khoản có liên quan đến việc viện dẫn cho phù hợp với Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, để bảo đảm nguyên tắc toà án thực hiện chế độ hai cấp xét xử cũng như quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật, việc sửa đổi lần này còn bỏ những quy định có liên quan đến việc xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm.

Mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung ba lần như trên nhưng nhìn chung những lần sửa đổi, bổ sung này cũng chưa được tiến hành một cách cơ bản, toàn diện nên còn nhiều những hạn chế và bất cập cần phải được khắc phục, vì cả ba lần đều mới chỉ tập trung vào những vấn đề cấp bách nhằm kịp thời đáp ứng kịp thời yêu cầu của quá trình tiến hành giải quyết vụ án hình sự và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện tại.

3. Tiếp tục thực hiện tiến trình xây dựng, phát triển và đổi mới mà trước hết là chú trọng cải cách tư pháp thì việc cải cách thủ tục tố tụng là khâu đột phá cơ bản nhằm nâng cao chất lượng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; hạn chế oan sai trong việc giải quyết vụ án hình sự.

BLTTHS năm 2003 được Quốc hội khoá XI kì họp thứ tư thông qua ngày 26/11/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004 thay thế BLTTHS năm 1988. BLTTHS năm 2003 đã kế thừa và phát triển một bước phát triển pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta.

So với BLTTHS năm 1988,⁽²⁾ BLTTHS năm 2003 đã quy định bổ sung thêm một phần mới (phần thứ tám): Hợp tác quốc tế, 5 chương mới là: Nhiệm vụ và hiệu lực của BLTTHS (chương 1); thủ tục rút gọn (chương XXXIV); khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự (chương XXXV); những quy định chung về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự (chương XXXVI); dẫn độ, chuyển giao hồ sơ, tài liệu, vật chứng của vụ án và

48 điều mới.⁽³⁾ Như vậy, BLTTHS năm 2003 bao gồm 8 phần, 37 chương và 346 điều luật. Trong đó chỉ có 25 điều luật của BLTTHS năm 1988 được giữ nguyên; bỏ (01) điều quy định về việc sửa bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật; sửa đổi, bổ sung 267 điều của BLTTHS năm 1988 thành 273 điều.

Với quan điểm đổi mới cơ bản, toàn diện BLTTHS năm 2003 có các đặc điểm cơ bản sau:

- Các quy định trong BLTTHS năm 2003 mang tính đổi mới sâu sắc, thể hiện sự phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời kì đổi mới;

- Kế thừa và phát triển những nguyên tắc đã được quy định trong BLTTHS 1988, BLTTHS năm 2003 đã quy định thêm một số nguyên tắc mới nhằm bảo đảm tốt hơn nữa lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức, công dân góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động tố tụng cũng như bảo đảm tính minh bạch, khách quan, bình đẳng trong tố tụng hình sự;

- BLTTHS năm 2003 không chỉ quy định rõ hơn địa vị pháp lí của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án là những cơ quan tiến hành tố tụng mà còn quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm trong hoạt động khởi tố, điều tra của đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hay nói

cách khác là quy định rõ hơn về thẩm quyền điều tra của từng hệ cơ quan điều tra thuộc các bộ, ngành.

- BLTTHS đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng và xác định thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra; viện trưởng, phó viện trưởng viện kiểm sát; chánh án, phó chánh án toà án là người tiến hành tố tụng⁽⁴⁾ đồng thời phân biệt chức năng quản lí hoạt động tố tụng và chức năng tiến hành tố tụng của những người này nhằm nâng cao "tính chủ động và trách nhiệm" của họ trong việc giải quyết vụ án hình sự;

- BLTTHS năm 2003 đã quy định đầy đủ, cụ thể, rõ ràng hơn quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, đặc biệt là mở rộng quyền của người bào chữa và trong việc thu thập chứng cứ, sao chụp tài liệu liên quan đến việc bảo vệ thân chủ. Theo đó, người bào chữa có quyền thu thập tài liệu, đồ vật; tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác. Người bào chữa được tham gia tố tụng vào thời điểm sớm hơn so với quy định của BLTTHS năm 1988, cụ thể là: Đối với trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ.⁽⁵⁾

BLTTHS cũng đã tách quy định về bị can, bị cáo thành hai điều luật riêng là Điều 49 quy định địa vị pháp lí của bị can và Điều 50 quy định địa vị pháp lí của bị cáo đồng thời sắp xếp lại bố cục của chương này cũng như chỉnh sửa kĩ thuật văn bản;

- Bộ luật quy định cụ thể, chặt chẽ và đầy đủ hơn về việc áp dụng từng biện pháp ngăn chặn đồng thời phân định rõ thẩm quyền của từng người trong việc quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong các giai đoạn tố tụng cụ thể góp phần khắc phục oan sai và phát huy hiệu quả của việc áp dụng những biện pháp này.

- Bộ luật đã quy định theo hướng sắp xếp, thu gọn đầu mối cơ quan điều tra để nâng cao hiệu quả công tác điều tra, cụ thể là chỉ quy định cơ quan điều tra trong công an nhân dân, cơ quan điều tra trong quân đội nhân dân và cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Bộ luật quy định theo hướng tăng thẩm quyền xét xử cho toà án nhân dân cấp huyện. Theo BLTTHS năm 1988 thì toà án cấp huyện chỉ được xét xử sơ thẩm những tội phạm mà BLHS quy định hình phạt từ bảy năm tù trở xuống (tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng) trừ một số tội theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 145 BLTTHS năm 1988. Theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLTTHS năm 2003 thì toà án cấp huyện xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng trừ một

số tội theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 170 BLTTHS năm 2003. Như vậy, việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thực hiện chủ yếu ở toà án cấp huyện. Toà án cấp tỉnh chủ yếu thực hiện việc xét xử phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm. Toà án nhân dân tối cao chủ yếu thực hiện việc giám đốc thẩm, tái thẩm cũng như tổng kết thực tiễn và hướng dẫn việc xét xử. BLTTHS cũng đã quy định theo hướng mở rộng yếu tố tranh tụng tại phiên toà mà cụ thể là nâng cao trách nhiệm của kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà. Kiểm sát viên có trách nhiệm hỏi, tranh luận tại phiên toà để bảo vệ cáo trạng; Người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác khi tranh luận có quyền trình bày ý kiến về việc luận tội của kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến nhằm bảo đảm cho việc tranh luận tại phiên toà được dân chủ, bình đẳng, khách quan, công khai để toà án có thể ra bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Một đặc điểm khác biệt của BLTTHS năm 2003 về thẩm quyền xét xử của toà án cấp huyện là không phải tất cả các toà án cấp huyện đều thực hiện thẩm quyền xét xử của mình ngay sau khi BLTTHS có hiệu lực. Nghị quyết số 24/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kì họp thứ 4 về việc thi hành BLTTHS quy định: Kể từ ngày BLTTHS có hiệu lực, những toà án cấp huyện có đủ điều kiện thực hiện thì được giao thẩm quyền xét xử mới quy định

tại khoản 1 Điều 170 BLTTHS 2003. Những toà án cấp huyện chưa đủ điều kiện thì thực hiện thẩm quyền xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, trừ những tội phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 170 BLTTHS năm 2003 nhưng chậm nhất đến ngày 1/7/2009; tất cả toà án cấp huyện thực hiện thống nhất thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLTTHS năm 2003.

- BLTTHS quy định thủ tục rút gọn trong đó có sự giản lược bớt một số thủ tục không thật cần thiết trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án hình sự. Đó là việc đơn giản hoá thủ tục tố tụng hình sự làm cho việc xử lý vụ án được nhanh chóng hơn. Đồng thời, để khắc phục những quy định tản mạn trong BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 đã có một chương quy định về khiếu nại, tố cáo nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và đảm bảo tốt hơn quyền này trong tố tụng hình sự; Bộ luật tạo cơ chế tham gia, giám sát có hiệu quả đối với hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm cho việc tiến hành các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án hình sự khách quan, đúng pháp luật.

Ngoài ra, BLTTHS còn có thêm 1 phần (Phần thứ tám) quy định về hợp tác quốc tế. Mặc dù chỉ quy định một số vấn đề có tính nguyên tắc về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự nhưng BLTTHS đã tạo cơ sở pháp

lý cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự của nước ta thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng.

4. Qua hơn hai năm thi hành, BLTTHS năm 2003 đã góp phần quan trọng vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, hạn chế oan sai trong việc giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, trong xu thế phát triển và hội nhập luật tố tụng hình sự cần tiếp tục hoàn thiện theo tinh thần mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân mà cụ thể là tổ chức toà án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính..., nâng cao chất lượng xét xử tại phiên toà xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của toà án. Nghiên cứu việc chuyển viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động tố tụng; chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự./.

(1). Xem: "Những nội dung chủ yếu của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS", Tạp chí toà án nhân dân, số 7/2000, tr. 4.

(2). BLTTHS năm 1988 sau ba lần sửa đổi, bổ sung gồm có 293 điều luật.

(3). BLTTHS năm 2003 giữ nguyên 25 điều sau: Điều 8, 17, 21, 27, 43, 72, 74, 94, 97, 107, 123, 145, 173, 183, 193, 206, 216, 220, 241, 267, 273, 283, 284, 290 và 309.

(4). BLTTHS năm 1988 không quy định về những người này.

(5). Khoản 1 Điều 58 BLTTHS năm 2003.